

**CÔNG TY TNHH IN VẢI HOÀNG ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH IN VẢI HOÀNG ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109335773

**3. Ngày thành lập:** 08/09/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số 35, ngõ 12 Thạch Cầu, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1811(Chính) |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1812        |
| 3.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1820        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                | 4649        |
| 5.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                             | 4761        |
| 6.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kính thuốc); Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773        |
| 7.  | Quảng cáo<br>(trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7310        |
| 8.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6201        |
| 9.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6202        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                      | 6209        |
| 11. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8230        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                   | 8299        |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                  | 4610        |

|     |                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu            | 8219 |
| 15. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                 | 9511 |
| 16. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                             | 2817 |
| 17. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                       | 1702 |
| 18. | Sản xuất sợi                                                                                                              | 1311 |
| 19. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                     | 1312 |
| 20. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                   | 1313 |
| 21. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                   | 1391 |
| 22. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                    | 1392 |
| 23. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                  | 1393 |
| 24. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                         | 1394 |
| 25. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 1399 |
| 26. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                            | 1410 |
| 27. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                          | 1420 |
| 28. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                      | 1430 |
| 29. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                             | 1511 |
| 30. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                            | 1512 |
| 31. | Sản xuất giày, dép                                                                                                        | 1520 |
| 32. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                      | 4641 |
| 33. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày | 4659 |
| 34. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                           | 4751 |
| 35. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                          | 4771 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

